

## BỘ NỘI VỤ

**QUYẾT ĐỊNH số 187-NV ngày 10-7-1964**  
**về việc điều chỉnh địa giới hai xã**  
**thuộc tỉnh Hà-bắc.**

## BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ nghị định số 130-CP ngày 29 tháng 9 năm 1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Nội vụ và nghị định bổ sung số 31-CP ngày 20 tháng 3 năm 1963;

Căn cứ quyết định số 56-CP ngày 24 tháng 4 năm 1963 của Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm cho Bộ Nội vụ phê chuẩn sự phân vạch địa giới có liên quan đến các đơn vị hành chính xã và thị trấn;

Theo đề nghị của Ủy ban hành chính tỉnh Hà-bắc;

## QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay phê chuẩn việc điều chỉnh địa giới của hai xã Giáp-sơn và Hồng-giang, huyện Lục-ngạn, tỉnh Hà-bắc như sau:

1. Sáp nhập xóm Thượng, xóm Chính và xóm Ngọt thuộc xã Giáp-sơn vào xã Hồng-giang.
2. Sáp nhập xóm Hạ-long, xóm Lâm, xóm Vành-dây, xóm Trại-mới và xóm Núi-lều thuộc xã Hồng-giang vào xã Giáp-sơn.

Điều 2. — Ủy ban hành chính tỉnh Hà-bắc, ông Chánh Văn phòng và ông Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 10 tháng 7 năm 1964

K.T Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thủ trưởng

NGUYỄN VĂN NGỌC

## BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ số 159-TC-NN ngày 1-7-**  
**1964 quy định một số điểm cụ thể**  
**về chính sách thuế nông nghiệp đối**  
**với nhân dân đi khai hoang.**

## BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Kính gửi:

Ủy ban hành chính các khu, tỉnh và thành phố.

Trong mấy năm qua, hưởng ứng cuộc vận động đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh

tế miền núi, hàng vạn gia đình đã lên các tỉnh trung du và miền núi xây dựng quê hương mới. Tại đây nguồn sống chính của đồng bào là sản xuất nông nghiệp mà chủ yếu là khai phá đất hoang để trồng trọt. Chính phủ đã có những quy định về chính sách nhân dân khai hoang để giúp đỡ nhân dân giải quyết một phần khó khăn về sản xuất và đời sống (thông tư số 31-TTg ngày 24 tháng 4 năm 1963).

Được Thủ tướng Chính phủ đồng ý, dưới đây Bộ Tài chính quy định một số điểm cụ thể về chính sách thuế nông nghiệp đối với những ruộng đất do các hợp tác xã hoặc từng gia đình riêng lẻ ở miền xuôi lên khai hoang ở miền núi:

1. Đối với ruộng đất mới khai phá hoặc mới phục hồi:

Các hợp tác xã khai hoang tập trung, cũng như các nông hộ ở miền xuôi lên nhập vào các hợp tác xã ở miền núi cùng sản xuất (khai hoang xen kẽ) hoặc làm ăn riêng lẻ, nếu có khai phá đất hoang hoặc phục hồi những ruộng đất đã bỏ hoang đều được miễn thuế trong một thời hạn nhất định theo như quy định ở điều 1 nghị định số 410-TTg ngày 6-9-1957 của Thủ tướng Chính phủ ban hành mười chính sách khuyến khích sản xuất ở miền núi:

— « Ai khai phá đất hoang, biến bãi hoang thung lũng, sườn đồi, nương ớt thành ruộng đất được miễn thuế nông nghiệp bảy năm »

— « Ai muốn cày cấy ruộng bỏ hoang thì báo cáo với Ủy ban hành chính và Nông hội xã. Ủy ban và Nông hội xã có trách nhiệm thương lượng với chủ ruộng cho ổn thỏa, bảo đảm đoàn kết dân tộc. Người cày cấy được thu toàn bộ hoa lợi, được miễn thuế nông nghiệp từ ba đến năm năm... »

2. Đối với các hợp tác xã, các nông hộ ở miền xuôi lên khai hoang ở miền núi nếu sản xuất trên những ruộng đất « thuộc » đang chịu thuế nông nghiệp thì phải tiếp tục nộp thuế nông nghiệp theo mức độ cụ thể như sau:

— Đối với các hợp tác xã khai hoang tập trung phải chịu thuế theo tỷ lệ nhất loạt là 10% trên số sản lượng thường niên của những ruộng đất « thuộc » do đồng bào địa phương nhường lại.

— Đối với các gia đình ở miền xuôi lên miền núi sản xuất riêng lẻ nếu có cày cấy ruộng đất « thuộc » thì phải chịu thuế theo như quy định ở điểm e mục 2, phần II thông tư số 03-TC-NN ngày 23-1-1964 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành thông tư số 120-TTg ngày 30-12-1963 của Thủ tướng Chính phủ nghĩa là « căn cứ vào tỷ lệ số thuế ghi thu so với tổng sản lượng thường niên (chưa trừ miễn trung) của hợp



*lác xã gần nhất* » để tính thuế vào phần sản lượng thường niên của ruộng đất «thuộc» có trồng trọt, chứ không tính toán thuế suất theo biểu thuế lũy tiến.

— Đối với các xã viên khai hoang nếu có xin ruộng «thuộc» để sản xuất riêng thì không tính thuế lại mà căn cứ vào số sản lượng của xã viên khai hoang mà phân chia phần thuế giữa người nhận ruộng và chủ ruộng phải chịu. Ví dụ: số sản lượng thường niên của phần diện tích của ông A là xã viên khai hoang xin của ông B để sản xuất bằng 10% tổng sản lượng thường niên của toàn bộ ruộng đất phải chịu thuế của ông B trước khi cho ông A một phần thì số thuế mà ông A phải nộp cho Nhà nước là 10% và ông B phải nộp là 90%.

3. Đối với các hợp tác xã ở miền núi có thu nhập đồng bào miền xuôi lên cùng sản xuất (khai hoang xen kẽ) nếu trong thời gian đầu do sản xuất chưa phát triển nên làm cho thu nhập bình quân của xã viên ở địa phương bị kém hơn trước; ảnh hưởng đến đời sống thì Nhà nước sẽ chiếu cố giảm nhẹ một phần thuế nông nghiệp cho hợp tác xã trong một năm đầu bằng cách miễn hẳn phần thuế của các xã viên ở miền xuôi mới gia nhập hợp tác xã. Nếu hết năm đầu do điều kiện khách quan mà thu nhập của hợp tác xã vẫn còn bị kém sút thì Ủy ban hành chính tỉnh có thể xét và quyết định cho kéo dài thêm thời gian giảm thuế là một năm nữa.

Cách tính số thuế được giảm là: Chia tổng số thuế ghi thu của hợp tác xã cho tổng số nhân khẩu có mặt trong hợp tác xã (gồm cả nhân khẩu của gia đình xã viên cũ và xã viên mới cộng lại) tìm số thuế bình quân một nhân khẩu. Lấy riêng số nhân khẩu của các gia đình xã viên ở miền xuôi mới gia nhập hợp tác xã nhân với số thuế bình quân một nhân khẩu để tìm số thuế do các xã viên mới gia nhập phải chịu và đó là số thuế mà hợp tác xã được Nhà nước giảm trong năm đầu.

Nếu có những hợp tác xã ở miền núi, tuy có nhận thêm đồng bào miền xuôi lên cùng sản xuất nhưng do điều kiện sản xuất tương đối thuận lợi hơn lại thêm lực lượng lao động mới làm cho thu nhập của hợp tác xã nói chung cũng như bình quân đầu người vẫn giữ mức bình thường, hoặc có nơi cao hơn trước thì không đặt vấn đề giảm thuế như trên.

4. Nếu các hợp tác xã khai hoang hoặc từng gia đình khai hoang có phát rẫy thì phải chịu thuế rẫy theo chế độ nương rẫy đang thi hành ở miền núi (nghị định 1119-TTg ngày 6-11-1956 của Thủ tướng Chính phủ) tức là:

— Thuế suất là 8%.

— Năm đầu đánh thuế trên toàn bộ số thu hoạch của đám nương rẫy.

— Năm thứ hai, thu hoạch mười phần, chỉ đánh thuế vào tám phần, miễn thuế hai phần.

— Từ năm thứ ba trở đi, miễn thuế tất cả.

Trong quá trình thực hiện nếu có những trường hợp cụ thể khác với những trường hợp trên đây, đề nghị Ủy ban báo cho Bộ Tài chính biết để xin Thủ tướng Chính phủ phương hướng giải quyết.

Hà-nội, ngày 1 tháng 7 năm 1964

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

NGUYỄN THANH SƠN

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

**THÔNG TƯ số 731-TC ngày 20-6-1964**  
về việc tạm thời thay thế các thẩm phán vắng mặt.

## CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Kính gửi:

Ông Chánh án Tòa án nhân dân các khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh và khu vực Vĩnh-linh,

Đồng kính gửi:

Ủy ban hành chính, các ông Giám đốc Sở Tài chính và Trưởng ty Tài chính các khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương, tỉnh và khu vực Vĩnh-linh,

Về việc tạm thời thay thế các thẩm phán của các Tòa án nhân dân huyện, thị xã vắng mặt vì được cử đi học tập trung về chính trị, văn hóa, chuyên môn, hoặc bị ốm phải nghỉ việc lâu ngày, Tòa án nhân dân tối cao đã thống nhất ý kiến với Bộ Nội vụ, Bộ Lao động và Bộ Tài chính về cách giải quyết vấn đề này như sau:

1. Ở những Tòa án nhân dân huyện, thị xã có hai thẩm phán, bao giờ cũng phải bảo đảm có ít nhất một thẩm phán có mặt để thường